

**CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ ANKERITE VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ ANKERITE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANKERITE ELECTRONIC VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ANKERITE ELECTRONIC VIETNAM CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301219180

**3. Ngày thành lập:** 06/09/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu phố Vũ, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0973932948

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4390        |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4651        |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4652        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. | 4659(Chính) |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4663        |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4669        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299        |
| 11. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7120        |
| 12. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                                                                 | 7490 |
| 14. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690 |
| 15. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                            | 2220 |
| 16. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592 |
| 17. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                              | 2610 |
| 18. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                          | 2651 |
| 19. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                             | 2790 |
| 20. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                           | 2817 |
| 21. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                           | 2822 |
| 22. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                           | 2829 |
| 23. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất các loại nút xốp; hộp che chắn; hộp cách âm; bộ lọc...                                                       | 3290 |
| 24. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312 |
| 25. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                  | 3313 |
| 26. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314 |
| 27. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                               | 3315 |
| 28. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                  | 3319 |
| 29. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320 |
| 30. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 31. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 32. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 33. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 34. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 35. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRƯƠNG THỊ HẰNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 01/09/1990 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019190007039

Ngày cấp: 01/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm Quấn, Xã Tân Đức, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Vũ, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRƯƠNG THỊ HẰNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/09/1990 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019190007039

Ngày cấp: 01/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm Quấn, Xã Tân Đức, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Vũ, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh